

Số: 57 /2025/DS-ST

Ngày: 28/5/2025

V/v: “ *Hợp đồng mua bán
tài sản* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Tứ

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ka Phu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2025/TLST - DS ngày 07 tháng 03 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Cao Văn L, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Số I đường V, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** 1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962;

2. Bà Hồ Thị L1, sinh năm 1963.

Bà Hồ Thị L1 ủy quyền cho ông Phạm Văn T

Cùng địa chỉ: Số B, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Các đương sự có mặt tại Tòa)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2024, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Văn L trình bày:

Trước đây, bị đơn ông Phạm Văn T có mua thức ăn thuốc nuôi tôm của ông rất nhiều năm. Ông bán thiếu cho ông T nuôi đến khi thu tôm thì thanh toán tiền cho ông. Quá trình mua và giao nhận thuốc thức ăn thì ông có ghi 02

sổ, một sổ ông giữ và một sổ ông T giữ, để khi thanh toán tiền thì đối chiếu sổ của cả hai. Trong quá trình mua bán và thanh toán nhiều năm thì sổ sách ghi chép đều đầy đủ, thanh toán tiền có thiếu lại một ít thì ông T đều có ký nhận nợ trong sổ của ông giữ. Đến vụ nuôi vào tháng 8 năm 2017 khi kết vụ thì ông có kêu ông T xuống kết sổ. Đến ngày 5/9/2017 thì ông T xuống và cùng với ông tổng kết nợ cuối vụ và nợ tổng cộng từ trước đến ngày 05/9/2017, sau khi tính toán đối chiếu thì ra số tiền tổng cộng mà ông T nợ ông là 180.000.000đ, ông T thống nhất và ký tên nhận nợ 180.000.000đ vào sổ của ông. Còn sổ của ông T thì ông cũng có ghi số nợ kết thúc là 180.000.000đ. Sau khi ký xác nhận nợ thì ông T không có mua thức ăn của ông nữa và cũng không trả tiền cho ông nên ông điện thoại cho ông T kêu ông T trả tiền cho ông nhưng ông T không có trả. Hiện tại ông không còn mua bán bán thức ăn và tuổi đã già không có thu nhập mà hàng tháng ông còn lo tiền đóng lãi cho ngân hàng.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị L1 là vợ chồng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ tổng cộng vốn và lãi là 309.978.000 đồng, gồm:

- Số tiền nợ vốn: 180.000.000 đồng
- Tiền lãi là 87 tháng tiền lãi còn lại (từ ngày 06/9/2017 đến ngày 06/12/2024) là $180.000.000 \text{ đồng} \times 87 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 129.978.000\text{đ}$.

Đối với việc bị đơn ông T cho rằng khi thanh toán nợ có lần ông không trừ ra số tiền 80.000.000đ mà ông T đã gửi trả trước cho ông trong vụ nuôi tôm của đầu năm 2017 để nay yêu cầu ông trừ ra 80.000.000đ, còn nợ có 100.000.000đ và chỉ đồng ý trả cho ông 100.000.000đ là ông không đồng ý, vì các lần kết toán nợ theo sổ sách đã ghi chép thì đều tính trong sự thống nhất về số tiền cần thanh toán trong vụ và số tiền còn nợ cuối vụ nên ông T mới ký nợ cuối cùng vào ngày 05/9/2017 là nợ ông số tiền là 180.000.000đ.

*** Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị L1 trình bày:**

Bị đơn Ông T thừa nhận là ông có mua thức ăn thuốc nuôi tôm của nguyên đơn ông Cao Văn L từ rất lâu thời gian mua của ông L kéo dài là 14 năm. Ông L bán thiếu cho ông đến cuối vụ thu tôm sẽ thanh toán sau. Cứ như vậy mỗi vụ nuôi tôm xong là ông đều lên trả tiền theo thỏa thuận. Thời gian về sau nuôi tôm khó khăn thì mỗi vụ thanh toán có nợ lại tiền không thanh

toán hết. Ở lần thanh toán vụ nuôi đầu năm 2017 thì giữa ông và ông L chưa thống nhất, có cự cãi về tiền nợ vì ông có gửi trước tiền cho ông L 80.000.000đ nhưng khi tính tiền của vụ nuôi đó ông L không trừ ra cho ông với lý do là ông L có ghi sổ ông giữ nhưng không có ghi trong sổ ông L giữ nên ông L không đồng ý là có nhận của ông 80.000.000đ trả trước để trừ ra cho ông. Do còn tiếp tục làm ăn nên ông không làm lớn chuyện để vụ nuôi sẽ nói lại với ông L. Đến vụ nuôi tiếp theo ông L tính tiền mặc dù ông có nhắc lại ông L số tiền 80.000.000đ trừ ra cho ông nhưng ông L cũng không chịu trừ ra 80.000.000đ của ông, lần này ông cũng không làm lớn chuyện mà tiếp tục ký nợ và tiếp tục mua thức ăn của ông L tiếp. Đến vụ nuôi cuối khoản tháng 08 tháng 09 năm 2017 thì ông L có kêu ông xuống để ký nợ, ông có xuống kết sổ tiền nợ với ông L và ông cũng kêu ông L trừ ra 80.000.000đ thì ông ký nợ nhưng ông L không chịu trừ, ông L nói đến ngày 05/9/2017 ông còn nợ ông L là 180.000.000đ, mặc dù ông không chịu nhưng nói không được với ông L nên ông vẫn ký như các lần trước, chờ sau nói nữa. Nhưng sau khi ông ký nợ vào ngày 05/9/2017 thì ông L ngưng không bán thức ăn cho ông nữa nên ông phải đi mua ở nơi khác để tiếp tục nuôi, nuôi thua lỗ nên ông không có trả tiền cho ông L được.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả cho ông L số tiền 180.000.000đ là ông không đồng ý, ông yêu cầu ông L phải trừ ra 80.000.000đ mà ông đã gửi trước đây. Sau khi trừ 80.000.000đ thì vợ chồng ông chỉ còn nợ ông L số tiền là 100.000.000đ, ông xin trả dần mỗi năm trả 10.000.000đ, vì hiện nay vợ chồng ông già cả không có làm gì có tiền, nuôi tôm luôn thua lỗ nay không còn nuôi, hiện còn nợ nhiều người và có nợ cả ngân hàng. Ông nuôi tôm để trang trải cuộc sống gia đình và phát triển kinh tế gia đình.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông L yêu cầu vợ chồng ông trả lãi tính từ ngày 06/9/2017 đến ngày 06/12/2024 là 180.000.000 đồng x 87 tháng x 0,83%/tháng = 129.978.000đ thì ông không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án xem xét đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông L vì việc mua bán giữa ông và ông L đã chấm dứt từ năm 2017 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Cao Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị L1 liên đới trả số tiền mua bán thức ăn thuốc nuôi tôm còn nợ nguyên đơn ông L số tiền tổng cộng vốn và lãi là 309.978.000, gồm tiền gốc là 180.000.000đ và tiền lãi 129.978.000đ.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy tổng kết nợ giữa nguyên đơn ông L và bị đơn ông T vào ngày 05/9/2017 là ông T có ký nợ với ông L là 180.000.000đ. Trong quá trình tố tụng bị đơn ông T thừa nhận có giao dịch mua bán thức ăn thuốc nuôi tôm với nguyên đơn và có ký xác nhận nợ với nguyên đơn vào ngày 05/9/2017 còn nợ số tiền là 180.000.000đ nên nguyên đơn ông L không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T, bà L1 phải trả số tiền mua bán thức ăn thuốc nuôi tôm còn nợ lại 180.000.000đ cho ông là có căn cứ, phù hợp với các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét bị đơn ông T cho rằng trước đây ông có gửi tiền trước cho ông L trong một vụ nuôi của đầu năm 2017 ông có gửi tiền cho ông L 02 lần là 80.000.000đ nhưng ông L khi kết nợ không có trừ ra 80.000.000đ đã nhận của ông nên nay ông yêu cầu ông L phải trừ ra số tiền 80.000.000đ trong tổng nợ là 180.000.000đ thì vợ chồng ông còn nợ ông L là 100.000.000đ. Xét lời trình bày này của ông T là không có căn cứ, bởi theo sổ sách ghi chép nợ giữa hai bên thì ông T đã có quyết toán với ông L nhiều lần qua nhiều vụ nuôi, trong các vụ thanh toán thì số tiền cộng đến thời điểm ông T và ông L kết nợ là 180.000.000đ thì ông T đã có ký kết nợ với ông L. Đồng thời trong sổ của ông T giữ thì ông L có ghi đã trừ số tiền đã trả là 80.000.000đ cho đến những lần đối chiếu nợ sau hai bên đều đối chiếu sổ và kết nợ thống nhất cùng nhau và tại bản tường trình của ông T ngày 24/3/2025 gửi Tòa án thì ông cũng thừa nhận thống nhất còn nợ ông L số tiền là 180.000.000đ, đến tại phiên hòa giải ngày 16/04/2025 thì ông cho rằng ông chỉ còn nợ ông L số tiền 100.000.000đ nên xét lời trình bày của ông T không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tiền lãi của ông L yêu cầu ông T, bà L1 trả tiền lãi cho ông tính từ ngày 06/9/2017 đến ngày 06/12/2024 là 180.000.000 đồng x 87 tháng x 0,83%/tháng thành tiền là 129.978.000đ. Đối với yêu cầu tính lãi của ông L thì ông T yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông L. Đối với yêu cầu này của ông T HĐXX thấy rằng, hai bên mua bán kết nợ với nhau vào ngày 05/9/2017, khi kết nợ hai bên không có thỏa thuận về thời gian trả cũng như lãi phải trả khi chậm thanh toán. Đồng thời, sau khi kết nợ thì hai bên không còn mua bán nữa và từ năm 2017 đến năm 2024 thì ông L và ông T không có thỏa thuận mới về tiền nợ của ông T với ông L nên căn cứ vào điều 150, điều 429 Bộ luật Dân sự và khoản 3 điều 23 Nghị quyết số

03/2012 ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì đã hết thời hiệu khởi kiện để yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét tính lãi. Do đó, yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn ông T yêu cầu đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông L là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T và bà L1 phải nộp án phí nhưng xét ông T và bà L1 là người cao tuổi nên được xét miễn nộp án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 429, điều 430, điều 440 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn L. Buộc bị đơn ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Cao Văn L số tiền mua bán thức ăn thuốc nuôi tôm còn nợ số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu trả lãi của nguyên đơn ông Cao Văn L về tiền lãi là 129.978.000đ do hết thời hiệu khởi kiện.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 9.000.000đ (Chín triệu đồng) nhưng bị đơn ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị L1 được miễn nộp số tiền án phí trên.

Nguyên đơn ông Cao Văn L là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không tuyên hoàn trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Mộng Tuyền